

**Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư chứng khoán Việt Nam**  
**越南投资证券股份公司章程**  
**修订补充内容**

(Đính kèm Nghị quyết ĐHĐCĐ số 04/2019/NQ-ĐHĐCĐ.IVS ngày 06/12/2019  
 附件 2019 年 12 月 06 日股东大会决议编号 04/2019/NQ-DHĐCĐ.IVS)

STT 字号	Nội dung Điều lệ hiện hành 现行章程内容	Nội dung Điều lệ sửa đổi/bổ sung 修订、补充章程内容	Căn cứ pháp lý 涉及法律规格/涉及公司内部制度名称
1	<p><b>Khoản 1 điều 10:</b>  <b>第 10 条第 1 款 :</b></p> <p>Vốn điều lệ của Công ty là 340.000.000.000 VND (Bằng chữ: <i>Ba trăm bốn mươi tỷ đồng</i>).</p> <p>公司的注册资金为 340.000.000.000 越南盾。(大写: 叁仟肆佰亿).</p> <p>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 34.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/1 cổ phần</p> <p>公司注册的资金被分为 34.000.000 股份, 每一股份面值为 10.000 越盾。</p>	<p><b>Khoản 1 điều 10:</b>  <b>第 10 条第 1 款 :</b></p> <p>Vốn điều lệ của Công ty là 693.500.000.000 VND (Bằng chữ: <i>Sáu trăm chín mươi ba tỷ năm trăm triệu đồng</i>).</p> <p>公司的注册资金为 693.500.000 越南盾。(大写: 陆仟玖佰叁拾伍亿)</p> <p>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 69.350.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/1 cổ phần</p> <p>公司注册的资金被分为 69.350.000 股份, 每一股份面值为 10.000 越盾。</p>	<p>Giấy phép điều chỉnh số 64/GPDC-UBCK ngày 22/10/2019</p> <p>2019 年 10 月 22 日编号 64/GPDC-UBCK 的调整许可证</p>
2	<p><b>Khoản 2(i) điều 18:</b>  <b>第 18 条第 2 款 (i)</b></p> <p>“Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp”</p> <p>据企业法的第 90.1 条规定, 要求该公司回购自己的股份</p>	<p><b>Khoản 2(i) điều 18:</b>  <b>第 18 条第 2 款 (i)</b></p> <p>“Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129.1 của Luật Doanh nghiệp”</p> <p>据企业法的第 129.1 条规定, 要求该公司回购自己的股份</p>	<p>Điều 129 Luật DN 68/2014                      编号 《68/2014》企业法第 129 条</p>
3	<p><b>Khoản 2(g) điều 18:</b>  <b>第 18 条第 2 款 (g)</b></p>	<p><b>Khoản 2(g) điều 18</b>  <b>第 18 条第 2 款 (g)</b></p>	<p>Khoản 1(g) Điều 114</p>

	<p>“Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty ....”</p> <p>如果本公司解散, 公司已经支付给债权人和法律规定的其他类型的股东后, 股东会收到相当于所有股份的一部分剩余资产。</p>	<p>“Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty....”</p> <p>如果本公司解散或破产, 公司已经支付给债权人和法律规定的其他类型的股东后, 股东会收到相当于所有股份的一部分剩余资产。</p>	<p>Luật DN 68/2014          编号          《68/2014          》企业法          第 114 条          第 1 款          (g)</p>
4	<p><b>Khoản 1 điều 20:</b></p> <p>第 20 条第 1 款 :</p> <p>Yêu cầu mua lại phần vốn góp, cổ phần phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty trong thời hạn <u>10 ngày làm việc</u>, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định...”</p> <p>要求回购已出资的资本, 股份必须以书面形式发送, 并且必须在股东大会批准本条款规定的决定之日起十个工作日内发送给公司</p>	<p><b>Khoản 1 điều 20:</b></p> <p>第 20 条第 1 款 :</p> <p>Yêu cầu mua lại phần vốn góp, cổ phần phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định...”</p> <p>要求回购已出资的资本, 股份必须以书面形式发送, 并且必须在股东大会批准本条款规定的决定之日起十天内发送给公司</p>	<p>Khoản 1          Điều 129          Luật DN 68/2014          编号          《64/2014          》企业法          第 129 条</p>
5	<p><b>Khoản 2 điều 20:</b></p> <p>第 20 条第 2 款:</p> <p>“Công ty có quyền mua lại <u>cổ phiếu</u> của chính mình không quá <u>10%</u> tổng số cổ phần phổ thông...”</p> <p>公司根据下列规定有权回购不超过 10% 的已出售的普通股份以及一部分或全部优先股份。</p>	<p><b>Khoản 2 điều 20:</b></p> <p>第 20 条第 2 款:</p> <p>“Công ty có quyền mua lại cổ phần của chính mình không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông...”</p> <p>公司根据下列规定有权回购不超过 30% 的已出售的普通股份以及一部分或全部优先股份</p>	<p>Điều 130          Luật DN 68/2014          编号          《68/2014          》企业法          第 130 条</p>
6	<p><b>Khoản 3(c) điều 23:</b></p> <p>第 23 条第 3 款 (c)</p> <p>“Khi số thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn 05 người”</p> <p>当董事会的成员少于 5 名</p>	<p><b>Khoản 3(c) điều 23:</b></p> <p>第 23 条第 3 款 (c)</p> <p>“Khi số thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn 03 người hoặc số thành viên của Ban Kiểm soát còn lại ít hơn 03 người”</p> <p>当董事会的成员少于 3 名或监事会成员少于 3 名</p>	<p>Khoản 3          (b) Điều 136          Luật DN 68/2014          编号          《68/2014          》企业法          第 136 条</p>

			第 3 款 (b)
7	<p><b>Khoản 3(e) điều 23:</b> <b>第 23 条第 3 款 (e)</b></p> <p>“Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng... vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 của Luật Doanh nghiệp...”</p> <p>如果监事会有理由认为董事会成员或高级管理干部严重违反企业法的第 119 条他们或者董事会有超过他们权力范围的计划或行为，监事会可要求召开会议。</p>	<p><b>Khoản 3(e) điều 23:</b> <b>第 23 条第 3 款 (e)</b></p> <p>“Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng ... vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 của Luật Doanh nghiệp ...”</p> <p>如果监事会有理由认为董事会成员或高级管理干部严重违反企业法的第 160 条，他们或者董事会有超过他们权力范围的计划或行为，监事会可要求召开会议。</p>	Điều 160 Luật DN 68/2014 编号 《68/2014 》企业法 第 160 条
8	<p><b>Khoản 4(b) điều 23:</b> <b>第 23 条第 4 款 (b)</b></p> <p>“Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông..., Ban kiểm soát... triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 của Luật Doanh nghiệp ...”</p> <p>如果按照第 23 条 4a 款董事会不召集股东特别会议，在接下来 30 天，监事会要按照企业法第 97 条第 5 款代替董事会召开股东大会。</p>	<p><b>Khoản 4(b) điều 23:</b> <b>第 3 条第 4 款 (b)</b></p> <p>“Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông..., Ban kiểm soát... triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 136 của Luật Doanh nghiệp ...”</p> <p>如果按照第 23 条 4a 款董事会不召集股东特别会议，在接下来 30 天，监事会要按照企业法第 136 条第 5 款代替董事会召开股东大会。</p>	Điều 136 Luật DN 68/2014 编号 《68/2014 》企业法 第 136 条
9	<p><b>Khoản 2 điểm n điều 24:</b> <b>第 24 条第 2 款 (n)</b></p> <p>Việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị; 总经理兼职董事长</p>	<p><b>Bỏ khoản 2 điểm n điều 24:</b> <b>要取消第 24 条第 2 款 (n)</b></p>	Khoản 2 điều 12 nghị định 71/2017/N Đ-CP 编号 71/2017/N Đ-CP 的法 令，第 12 条第 2 款

10	<p><b>Khoản 2 điều 24:</b></p> <p>第 24 条第 2 款:</p> <p>“Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định <u>bằng văn bản</u> về các vấn đề sau: ...”</p> <p>股东大会年度和临时会议有权讨论并以书面形式通过以下问题:</p>	<p><b>Khoản 2 điều 24:</b></p> <p>第 24 条第 2 款:</p> <p>“Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: ...”</p> <p>股东大会年度和临时会议有权讨论并通过以下问题:</p>	<p>Khoản 2 điều 15 TT95/2017</p> <p>编号 《95/2017》通函第 15 条第 2 款</p>
11	<p><b>Khoản 2(o) điều 24:</b></p> <p>第 24 条第 2 款 (o)</p> <p>“Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại <u>Điều 120.1</u> của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính <u>đã được kiểm toán gần nhất</u>”</p> <p>公司或分公司与企业法第 120.1 条规定的当事人签订合同, 而按照经审计的最新财务报告, 该合同的价值相当于公司或分公司资产的 20 %或 20%以上。</p>	<p><b>Khoản 2(o) điều 24:</b></p> <p>第 24 条第 2 款 (o)</p> <p>“Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại <u>Điều 162.1</u> của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính <u>gần nhất</u>”</p> <p>公司或分公司与企业法第 162.1 条规定的当事人签订合同, 而按照最新财务报告, 该合同的价值相当于公司或分公司资产的 20 %或以上。</p>	<p>Điều 162 Luật DN 68/2014</p> <p>编号 《68/2014》企业法第 162 条</p>
12	<p><b>Khoản 2(1) điều 24:</b></p> <p>第 24 条第 2 款 (1)</p> <p>"Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn <u>50%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;"</p> <p>决定出售公司或分公司的财产或购买的价值按照经审计的最新财务报告相当于公司或分公司资产的 <u>50%</u>以上的财产。</p>	<p><b>Khoản 2(l) điều 24:</b></p> <p>第 24 条第 2 款 (1)</p> <p>"Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;"</p> <p>决定出售公司或分公司的财产或购买的价值按照经审计的最新财务报告相当于公司或分公司资产的 35% 以上的财产。</p>	<p>Khoản 2(d) điều 135 Luật DN 68/2014</p> <p>编号 《68/2014》企业法第 135 条</p>
13	<p><b>Khoản 3(b) điều 24:</b></p> <p>第 24 条第 3 款 (b)</p>	<p><b>Khoản 3(b) điều 24:</b></p> <p>第 24 条第 3 款 (b)</p>	<p>Khoản 3 (b) điều 15 TT95/2017</p>

	<p>“Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó”</p> <p>股东或股东关系人购买股份。</p>	<p>“Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật”</p> <p>股东或股东关系人购买股份，除非根据所有股东的持股比例进行股份回购或者通过订单匹配施行或按照法律规定在证交所进行公开收购。</p>	<p>编号 《95/2017 》通函的 第 15 条第 3 款 (b)</p>
14	<p><b>Khoản 1 điều 26:</b> <b>第 26 条第 1 款</b></p> <p>1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 24.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.</p> <p>1. 股东大会关于变更或取消每个类的股份的权益的决定（第 24.2 条规定关于本公司股份被分为不同类别的情况）要经持有至少 75%表决权股份的股东通过书面形式表示一致同意才会批准通过。</p>	<p><b>Khoản 1 điều 26:</b> <b>第 26 条第 1 款</b></p> <p>1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 24.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần đó biểu quyết thông qua</p> <p>1. 股东大会关于变更或取消每个类的股份的权益的决定（第 24.2 条规定关于本公司股份被分为不同类别的情况）要持有至少 65%的普通股份的出席股东通过同时拥有该类型股份的 65%表决权的股东通过才有效。</p>	<p>Khoản 1 điều 144 Luật DN 68/2014</p> <p>Và khoản 1 điều 17 TT95/2017</p> <p>编号 《68/2014 》企业法 第 144 条 第 1 款 以及编号 《95/2017 》通函的 第 17 条第 1 款</p>
15	<p><b>Khoản 2 điều 27:</b> <b>第 27 条第 2 款</b></p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p>	<p><b>Khoản 2 điều 27:</b> <b>第 27 条第 2 款</b></p> <p>2. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:</p>	<p>Khoản 7 điều 136 Luật DN 68/2014</p> <p>编号 《68/2014</p>

<p>股东大会会议召集人应执行以下任务：</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p> <p>东大会开始之前三十天，准备有资格参加与投票股东名单，会议议程及据法律法规和公司规定的文件</p> <p>b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>确定会议的时间和地点</p> <p>c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.</p> <p>公告和通知有权出席股东大会的所有股东。</p>	<p>股东大会会议召集人应执行以下任务</p> <p>a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp theo quy định của pháp luật.</p> <p>列出有权出席股东会议的股东名单</p> <p>b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</p> <p>提供信息并解决有关股东名单的投诉</p> <p>c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>准备会议的议程和内容</p> <p>d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;</p> <p>准备会议的资料</p> <p>đ. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>根据股东大会的召开内容准备股东大会决议草稿；在需要选举董事会和监事会成员的情况下，要准备候选人名单和详细信息。</p> <p>e. Xác định thời gian và địa điểm họp;</p> <p>明确会议时间以及地点</p> <p>g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>按照企业法的规定，通知有权出席股东会议的所有股东</p> <p>h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.</p>	<p>》企业法第 136 条第 7 款</p>
---	--	-------------------------

		有关会议的工作	
16	<p><b>Khoản 3 điều 27:</b></p> <p><b>第 27 条第 3 款 :</b></p> <p>3.Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, <u>01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính</u>. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi <u>trước ít nhất mười (10) ngày</u> trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.</p> <p><u>股东大会需要通知会议议程、大会上需要讨论和表决的议题。对于股票已经进行留记（托管）的股东，股东大会通知书可以由留记机构转发，同时在证券交易所的媒体、公司官网网页、<u>一家中央报纸或者公司总部所在的一家地方报纸上公告传达</u>。对于股票未进行留记（托管）股东，股东大</u></p>	<p><b>Khoản 3 điều 27 :</b></p> <p><b>第 27 条第 3 款 :</b></p> <p>3.Mời họp Đại hội đồng cổ đông. 邀请参加股东大会。</p> <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</p> <p><b>股东大会召集人必须至少在开会日前 10 天向有权出席会议的股东名单上的所有股东发出邀请通知。会议通知必须载有公司名称，公司地址，企业识别号；姓名，股东的永久住址，时间，会议地点和与会者的其他要求。</b></p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của tất cả cổ đông; đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và có thể đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết.</p> <p><b>通知以挂号信的方式</b>发送到股东的联系地址；同时<b>在公司网站、越南证券委员会网站、关联证交所网站上发布</b>，并在必要时由中央或地方当局媒体发布。</p> <p>Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:</p>	<p>Điều 139 Luật DN 68/2014</p> <p>编号 《68/2014 》<b>企业法</b> 第 139 条</p> <p>Khoản 3 điều 18 TT95/2017</p> <p>编号 《95/2017 》<b>通函第</b> 18 条第 3 款</p>

	<p>会通知书将直接或者邮寄到股东所登记的地址或者到股东专门用于收取信函的地址。本公司将通过传真或者电子邮件通知那些已经在本公司以书面形式记录了传真或者电子邮件地址的股东。对于在本公司工作的股东，股东大会通知书将放进信封直接送给股东。<u>股东大会通知书至少在股东大会召开日期 10 天之前寄给股东。如果公司有网站，股东大会需要在公司官网上同时发布通知给各位股东。</u></p>	<p><b>会议邀请必须随附以下文件：</b></p> <p>a.Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>会议议程，会议使用的文件以及议程中每个问题的决议草案；</p> <p>b.Phiếu biểu quyết</p> <p>投票卡；</p> <p>c. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp</p> <p>参加会议的授权代表表格。</p> <p>Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.</p> <p><b>根据会议邀请发送会议材料可以替换为在公司网站上发布。在这种情况下，会议通知必须指定下载文件的位置和方法，并且如果股东要求，公司必须将会议文件发送给股东。</b></p>	
17	<p><b>Khoản 4 điều 29:</b></p> <p><b>第 29 条第 4 款</b></p> <p>4.Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra <u>đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội.</u> Trường hợp bầu Chủ</p>	<p><b>Khoản 4 điều 29:</b></p> <p><b>第 29 条第 4 款</b></p> <p>4.Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra <u>đề cử một</u></p>	<p>Khoản 2 Điều 142 Luật DN 68/2014</p> <p>编号 《68/2014》企业法第 142 条第 2 款</p>



	<p>tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố。</p> <p>股东大会将由董事长主持。如果董事长缺席情况下，副董事长或者被股东大会选出的代表主持大会。在他们不能主持会议情况下，董事会成员中职务最高的成员将举会议，选举股东大会主席，主席不一定是董事会的成员。董事长，副董事长、或股东大会选举的主席提名一名秘书负责记载会议<u>纪要</u>。如果主席是股东大会选举的，主席的名称和被选举的票数一定要公布。</p>	<p>hoặc một số người làm thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố。</p> <p>股东大会将由董事长主持。如果董事长缺席情况下，副董事长或者被股东大会选出的代表主持大会。在他们不能主持会议情况下，董事会成员中职务最高的成员将举会议，选举股东大会主席，主席不一定是董事会的成员。董事长，副董事长、或股东大会选举的主席提名一名或数名认识担任秘书负责记载会议纪要。如果主席是股东大会选举的，主席的名称和被选举的票数一定要公布。</p>	
18	<p><b>Khoản 2 điều 31:</b></p> <p><b>第 31 条第 2 款</b></p> <p>2.Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;</p> <p>董事会应准备征求意见书，股东大会的<u>决定</u>草案及其解释文件。征求意见书和股东大会的<u>决定</u>草案及其解释文件必须通过挂号传递方式送达到股东的固定地址。</p>	<p><b>Khoản 2 điều 31:</b></p> <p><b>第 31 条第 2 款</b></p> <p>2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết được gửi bằng phương thức bảo đảm đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến</p> <p>董事会应准备征求意见书，股东大会的议决草案及其解释文件，关于决议草稿的解释文件必须在开会日期前 10 天通过挂号专递方式送达到股东的固定地址。</p>	<p>Khoản 2 Điều 145 Luật DN 68/2014</p> <p>编号 《68/2014 》企业法 第 145 条 第 2 款</p>
19	<p><b>Khoản 4 điều 31:</b></p> <p><b>第 31 条第 4 款</b></p> <p>"Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ; "</p>	<p><b>Khoản 4 điều 31:</b></p> <p><b>第 31 条第 4 款</b></p> <p>"Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Phiếu lấy ý kiến cũng có thể được gửi fax hoặc thư điện tử, trong trường hợp đó phiếu lấy ý kiến phải được</p>	<p>Khoản 4(b) Điều 145 Luật DN 68/2014</p> <p>编号 《68/2014 》企业法 第 145 条</p>

	<p>征求意见稿寄回公司时必须放在一个密封的信封，点票之前没有人有权打开。征求意见稿中规定的日期之后才发送到公司或已被打开的征求意见稿均无效；</p>	<p>giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi lại phiếu không tham gia biểu quyết. "</p> <p>征求意见稿寄回公司时必须放在一个密封的信封，点票之前没有人有权打开。征求意见稿也可以通过传真、发送电子邮件方式寄给公司，在以上情况下征求意见稿的内容必须要保密到检票时间。征求意见稿中规定的日起之后才发送到公司或被打开，被泄露的传真形式、发送 email 形式的征求意见稿均无效。征求意见稿未寄回公司被视为不参与表决票。</p>	<p>第 4 款 (b)</p>
<p>20</p>	<p><b>Khoản 5 điều 31:</b> <b>第 31 条第 5 款</b></p> <p>5.Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>董事会在监事会或不持有管理职位的股东见证下进行点票并作点票记录。点票记录应当具备下列主要内容:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>公司名称, 办公地址, 营业执照的号码和签发日期, 营业的注册地址;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p>	<p><b>Khoản 5 điều 31:</b> <b>第 31 条第 5 款</b></p> <p>5.Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p><b>董事会在</b>监事会或不持有管理职位的股东见证下进行点票并作点票记录。点票记录应当具备下列主要内容:</p> <p>a.Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>公司名称, 办公地址, 企业识别号;</p> <p>b.Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p>	<p>Khoản 5 Điều 145 Luật DN 68/2014</p> <p>编号 《68/2014 》企业法 的第 145 条第 5 款</p>

<p>需要征求意见以表决通过决定的目的和问题</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>具有表决权的股东人数已经参与了投票，其中区分有效票和无效票，以及参加表决的股东名单附录。</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>投票总数，对每个问题赞成的、不赞成的、没有意见的票数。</p> <p>e. Các <u>quyết định</u> đã được thông qua; 已经通过的决定。</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>董事长，公司的法定代表人和监督点票的人的签名。</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p> <p>董事会成员和监督点票人应共同负责点票记录的真实性和准确性；并对于因点票不诚实，不准确而通过决定所造成的损害承担连带责任。</p>	<p>需要征求意见以表决通过议决的目的和问题</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>具有表决权的股东人数已经参与了投票，其中区分有效票和无效票，以及参加表决的股东名单附录。</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>投票总数，对每个问题赞成的、不赞成的、没有意见的票数</p> <p>e. Các vấn đề đã được thông qua; 已经通过的问题</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</p> <p>董事长，公司的法定代表人和监督点票的人，监票人的签名。</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p> <p>董事会成员，监票人和监督点票人应共同负责点票记录的真实性和准确性；并对于因点票不诚实，不准确而通过决定所造成的损害承担连带责任。</p>	
--	---	--

21	<p><b>Khoản 6 điều 31:</b></p> <p><b>第 31 条第 6 款</b></p> <p>6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;</p> <p>点票结束后十五天内，表决结果应该通知所有的股东。</p>	<p><b>Khoản 6 điều 31:</b></p> <p><b>第 31 条第 6 款</b></p> <p>6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;</p> <p>点票结束后十五天内，表决结果应该通知所有的股东。如有公司网站，可以在 24 小时内通过在公司网站上发布来代替发送表决结果。</p>	<p>Khoản 6 Điều 145 Luật DN 68/2014</p> <p>编号 《68/2014》企业法第 145 条第 6 款</p>
22	<p><b>Điều 32:</b></p> <p><b>第 32 条</b></p> <p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>股东大会主持人负责保留股东大会会议记录，并在当股东大会结束后 15 天内发送给所有股东。股东大会会议记录应被视为股东大会进行的工作的证据，除非发送记录后十天内有人按照规定和程序对记录的内容提出异议。该记录必须用越南语记载，有主席和会议秘书的签字，并根据企业法及本章程的规定编制。记载文件、记录、</p>	<p><b>Điều 32:</b></p> <p><b>第 32 条</b></p> <p>Người chủ trì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày, hoặc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng 24 giờ kể từ ngày cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>股东大会主持人负责保留股东大会会议记录，并在当股东大会结束后 15 天内发送给所有股东，或者在股</p>	<p>Điều 146 Luật DN 68/2014</p> <p>编号 《68/2014》企业法第 146 条</p>

	出席股东的签字、出席授权书等资料必须保留在该公司的总部	东大会结束 24 个小时内在公司网站公布。股东大会会议记录应被视为股东大会进行的工作的证据，除非发送记录后十天内有人按照规定和程序对记录的内容提出异议。该记录必须用越南语以及外国语记载，有主席和会议秘书的签字，并根据企业法及本章程的规定编制。记载文件、记录、出席股东的签字、出席授权书等资料必须保留在该公司的总部	
23	<p><b>Khoản 2 Điều 33:</b></p> <p>第 33 条第 2 款</p> <p><b>Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>要求取消股东大会的决定</p> <p>2.Trình tự, thủ tục ra <u>quyết định</u> và nội dung <u>quyết định</u> vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p> <p><u>决定的程序和</u>内容违反法律或公司章程.</p>	<p><b>Khoản 2 Điều 33:</b></p> <p>第 33 条第 2 款</p> <p><b>Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>要求取消股东大会的决定</p> <p>2.Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p> <p>议决的程序和内容违反法律或公司章程.</p>	<p>Khoản 2 Điều 147 Luật DN 68/2014</p> <p>编 号 《68/2014》企业法第 147 条第 2 款</p>
24	<p><b>Khoản 1 điều 34:</b></p> <p>第 34 条第 1 款</p> <p>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người.</p> <p>董事会成员的数量最少为5名，最多为 11 名。</p>	<p><b>Khoản 1 điều 34:</b></p> <p>第 34 条第 1 款</p> <p>Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên.</p> <p>董事会成员最少为 3 名，最多为 11 名。</p>	<p>Khoản 1 Điều 150 Luật DN 68/2014</p> <p>编 号 《68/2014》企业法第 150 条第 1 款</p>
25	<p><b>Khoản 4(d) điều 34:</b></p> <p>"Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, <u>và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống</u>"</p> <p>该成员在连续六个月不参加董事会的会议，<u>在这段时间内董事会不允许他</u></p>	<p><b>Khoản 4(d) điều 34:</b></p> <p>"Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, trừ trường hợp bất khả kháng.</p> <p>该成员在连续六个月不参加董事会的会议，不可抗力的情况除外。</p>	<p>Khoản 1 Điều 156 Luật DN 68/2014</p> <p>编 号 《68/2014》企业法</p>

	缺席并提出判决使该成员职位空出。		第 156 条 第 1 款
26	<p><b>Khoản 5 điều 34:</b> <b>第 34 条第 5 款:</b></p> <p>"Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm."</p> <p>董事会可以聘任新的成员代替空出的职位，这一新成员应该经下一股东大会同意。股东大会同意后，聘任该成员的职务在董事会聘任之日生效。</p>	<p><b>Khoản 5 điều 34:</b> <b>第 34 条第 5 款 :</b></p> <p>"Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>“在以下情况下，董事会必须召开股东大会补充选举其他董事会成员:</p> <p>a. Số thành viên Hội đồng quản trị giảm xuống ít hơn 3 người. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên giảm xuống ít hơn 3 người; 董事会成员人数减少到少于 3 名。在这种情况下，董事会必须在成员减少到少于 3 名之日起（60）天内召开股东大会。</p> <p>b. Số lượng thành viên độc lập trong Hội đồng quản trị giảm, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều 34.1." 独立董事数量减少，不符合第 34 条第 1 款规定的比例。”</p>	<p>Điều 156 Luật DN 68/2014 编号 《68/2014 》企业法 第 156 条</p>
27	<p><b>Khoản 4(c) điều 35:</b> <b>第 35 条第 4 款 (c)</b></p> <p>"Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty"</p>	<p><b>Khoản 4(c) điều 35:</b> <b>第 35 条第 4 款 (c)</b></p> <p>"Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 135.2, Điều 162.3 của Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc</p>	<p>Điều 149,135,16 2 Luật DN 68/2014 编号 《68/2014 》企业法 第 149 条、第 135</p>

	<p>在企业法的第 108.2 条规定的范围，除了企业法的第 120.3 条规定一定由股东大会批准的情况，董事会随机决定执行、修策、撤销公司大合同（包括公司购买，出售，购并，收购和合资合同）</p>	<p>thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty"</p> <p>在企业法的第 149.2 条规定的范围，除了企业法的第 135.2 条，第 162.3 条规定一定由股东大会批准的情况，董事会随机决定执行、修策、撤销公司大合同（包括公司购买，出售，购并，收购和合资合同）。</p>	<p>条、第 162 条。</p>
28	<p><b>Khoản 1 Điều 36.</b> <b>第 36 条第 1 款</b></p> <p><b>Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> <b>董事长和副董事长</b></p> <p>1.Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bầu hoặc miễn nhiệm Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch tùy theo yêu cầu thực tế của Công ty. Chủ tịch, Phó Chủ tịch được lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc của Công ty.</u></p> <p>根据公司实际要求，股东大会或者董事会选举或者免职董事长或者副董事长。董事会成员之中选出董事长、副董事长；<u>董事长可以兼任总经理。</u></p>	<p><b>Khoản 1 Điều 36.</b> <b>第 36 条第 1 款</b></p> <p><b>Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> <b>董事长和副董事长</b></p> <p>1.Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bầu hoặc miễn nhiệm Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch tùy theo yêu cầu thực tế của Công ty. Chủ tịch, Phó Chủ tịch được lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị không thể kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc của Công ty.</p> <p>根据公司实际要求，股东大会或者董事会选举或者免职董事长或者副董事长。董事会成员之中选出董事长、副董事长；董事长不可以兼任总经理。</p>	<p>Khoản 2 điều 12 Nghị định 71/2017/NĐ-CP</p> <p>编号 《71/2017/ND-CP》 的法令第 12 条第 2 款</p>
29	<p><b>Khoản 3 điều 37:</b> <b>第 37 条第 3 款</b></p> <p>"Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: 临时会议：董事会应召开董事会会议，如果以下对象以书面形式建议会</p>	<p><b>Khoản 3 điều 37:</b> <b>第 37 条第 3 款</b></p> <p>" Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: 临时会议：董事会应召开董事会会议，如果以下对象以书面形式建议</p>	<p>Khoản 4 Điều 153 Luật DN 68/2014</p> <p>编号 《68/2014》 企业法第 153 条第 4 款</p>

	<p>议的目的和讨论的问题，要是没有充分的理由不要延迟开会：</p> <p>a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý; 总经理或至少五个管理人员；</p> <p>b. Hai thành viên Hội đồng quản trị; 董事会的两名成员；</p> <p>c. Chủ tịch Hội đồng quản trị; 董事长</p> <p>d. Đa số thành viên Ban kiểm soát." 大多数监事会</p>	<p>会议的目的和讨论的问题，要是没有充分的理由不要延迟开会：</p> <p>a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý; 总经理或至少五个管理人员；</p> <p>b. Hai thành viên Hội đồng quản trị; 董事会的两名成员</p> <p>c. Chủ tịch Hội đồng quản trị; 董事长</p> <p>d. Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị. 监事会或独立董事成员</p>	
30	<p><b>Khoản 4 điều 37:</b> <b>第 37 条第 4 款</b></p> <p>"Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 37 phải được tiến hành trong thời hạn 15 ngày sau khi có đề xuất họp"</p> <p>第 37 条第 3 款所提到的会议应在有建议开会十五天后进行。</p>	<p><b>Khoản 4 điều 37:</b> <b>第 37 条第 4 款</b></p> <p>" Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 37 phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc sau khi có đề xuất họp "</p> <p>第 37 条第 3 款所提到的会议应在建议开会 07 个工作日内进行。</p>	<p>Khoản 5 Điều 153 Luật DN 68/2014 编号 《68/2014》 《企业法第 153 条第 5 款</p>
31	<p><b>Khoản 13 điều 37:</b> <b>第 37 条第 13 款</b></p> <p><u>"Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:</u> <u>书面决议。书面决议必须有董事会全体成员签字</u></p> <p>a. <u>Thành viên có quyền biểu quyết các vấn đề được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị;</u> <u>在董事会会议上有表决权通过各种问题的成员。</u></p> <p>b. <u>Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị."</u> <u>出席会议的成员人数不低于规定最少的数量才能够召开董事会会议。</u></p>	<p><b>Khoản 13 điều 37:</b> <b>第 37 条第 13 款</b></p> <p>" Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết ..."</p> <p>书面行政征求意见的决议在多数拥有表决权的董事会成员的批准下批准的。</p>	<p>Khoản 14 điều 30 TT95/2017 编号 《95/2017》 《通函第 30 条第 14 款</p>



32	<p><b>Khoản 14 điều 37:</b></p> <p><b>第 37 条第 14 款</b></p> <p>14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ ngày được chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng <u>tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.</u></p> <p><u>董事会会议纪要。董事长是负责将会议纪要递交董事会成员。该纪要被视为证据证明会议已经进行的工作，除非递交之日起十天内有反对会议记录内容的意见。董事会会议纪要，用越南语编制的并必须经董事会全体成员签署</u></p>	<p><b>Khoản 14 điều 37:</b></p> <p><b>第 37 条第 14 款</b></p> <p>14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ ngày được chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p> <p><u>董事会会议记录。董事长是负责将会议记录递交董事会成员。该记录被视为证据证明会议已经进行的工作，除非递交之日起十天内有反对会议记录内容的意见。董事会会议记录，用越南语以及外国语编制，如果越南语版本和外国语版本的内容存在差异，则以越南语版本的内容为准。会议纪要必须由董事长和会议记录者签署。董事长和会议记录者必须对会议纪要的真实性和准确性负责。</u></p>	<p>Khoản 1(i) và khoản 3 Điều 154 Luật DN 68/2014</p> <p>编号</p> <p>《68/2014》<b>企业法</b>第 154 条第 3 款 (i)</p>
33	<p><b>Khoản 2 điều 40:</b></p> <p><b>第 40 条第 2 款</b></p> <p>2.Nhiệm kỳ. Theo Điều 36 của Điều lệ này, <u>Tổng giám đốc có thể đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị.</u> Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không</p>	<p><b>Khoản 2 điều 40:</b></p> <p><b>第 40 条第 2 款</b></p> <p>2.Nhiệm kỳ. Theo Điều 36 của Điều lệ này, Tổng giám đốc không thể đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao</p>	<p>Khoản 2 điều 12 Nghị định 71/2017/NĐ-CP</p> <p>编号</p> <p>《71/2017》<b>的法令</b></p>

	<p>được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.</p> <p><u>任期。根据该章程第 36 条, 总经理可以同时担任董事长。总经理的任期为 5 年, 可以重新聘任。根据劳动合同的规定这项任命可能会无效。总经理不得是法律禁止担任该职务的人, 即未成年人, 行为能力不足, 被判刑入狱人, 服刑入狱人, 武装部队的人员, 政府官员和他们曾经指导的公司破产的。</u></p>	<p>động. Tổng giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.</p> <p><u>任期。根据该章程第 36 条, 总经理不可以同时担任董事长。总经理的任期为 5 年, 可以再任命。根据劳动合同的规定这项任命可能会无效。总经理不得是法律禁止担任该职务的人, 即未成年人, 行为能力不足, 被判刑入狱人, 服刑入狱人, 武装部队的人员, 政府官员和他们曾经指导的公司破产的。</u></p>	<p>第 12 条第 2 款</p>
<p>34</p>	<p><b>Khoản 6 điều 40:</b></p> <p><b>第 40 条第 6 款</b></p> <p><b>6.Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc:</b> 总经理的标准和条件</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</li> </ul> <p style="padding-left: 40px;">有足够的法律能力和民事行为能力, 根据企业法的规定不是禁止管理企业的对象;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thâm niên công tác ít nhất 03 năm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc bảo hiểm;</li> </ul> <p style="padding-left: 40px;">在金融, 银行, 保险领域工作至少 03 年;</p> <p><u>- Có chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán hoặc đủ điều kiện để được cấp chứng chỉ hành nghề kinh</u></p>	<p><b>Khoản 6 điều 40:</b></p> <p><b>第 40 条第 6 款</b></p> <p><b>6.Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc:</b> 总经理的标准和条件</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</li> </ul> <p style="padding-left: 40px;">有足够的法律能力和民事行为能力, 根据企业法的规定不是禁止管理企业的对象;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán ít nhất ba (03) năm và có kinh nghiệm quản lý điều hành tối thiểu ba (03) năm;</li> </ul> <p style="padding-left: 40px;">具有至少三 (03) 年的金融, 银行和证券经验, 以及至少三 (03) 年的管理和经营经验;</p>	<p>Khoản 3 điều 34 Thông tư 210/2012/T T-BTC 编号 《210/2012/TT-BTC》的 通函第 34 条第 3 款</p>

	<p><u>doanh chứng khoán theo quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật chứng khoán;</u></p> <p>根据证券律的第 79 条规定; 有证券交易执业证书的或有资格获得证券交易执业证书。</p> <p>- Không phải là người hành nghề đã bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thu hồi <u>chứng chỉ hành nghề theo quy định tại khoản 1b Điều 80 của Luật Chứng khoán;</u></p> <p>根据证券法第 80 条第 1b 的规定, 不被国家证券委员会回收执业证书;</p> <p>...</p>	<p>- Có Chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ;</p> <p>持有财务分析实务证书或基金管理实务证书;</p> <p>- Không bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xử phạt theo pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán trong vòng hai (02) năm gần nhất.</p> <p>最近两 (02) 年内未根据证券法和证券市场法受到国家证券委员会的制裁。</p> <p>...</p>	
35	<p><b>Khoản 4(c) điều 43:</b></p> <p><b>第 43 条第 4 款 (c)</b></p> <p>"Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị <u>hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị</u> hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn."</p> <p>该合同或交易在交易的时点考虑到与公司股东有关的方方面面并被独立的咨询机构认为公平、合理的, 或者该合同或交易经董事会, <u>董事会下属一个小组委员会或</u>股东通过、批准、准许执行。</p>	<p><b>Khoản 4(c) điều 43:</b></p> <p><b>第 43 条第 4 款 (c)</b></p> <p>"Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hay Đại hội đồng cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn."</p> <p>该合同或交易在交易的时点考虑到与公司股东有关的方方面面并被独立的咨询机构认为公平、合理的, <b>或者</b>该合同或交易经董事会或股东大会通过、批准、准许执行。</p>	<p>Khoản 5(c) điều 40 TT95/2017</p> <p>编号</p> <p>《95/2017》的通函</p> <p>第 40 条第 5 款 (c)</p>
36	<p><b>Khoản 1 Điều 45:</b></p> <p><b>第 45 条第 1 款</b></p> <p><b>Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan</b></p> <p>公司与关联人的合同交易</p>	<p><b>Khoản 1 Điều 45:</b></p> <p><b>第 45 条第 1 款</b></p> <p><b>Hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan</b></p> <p>公司与关联人的合同交易</p>	<p>Khoản 1 Điều 162 Luật DN 68/2014</p> <p>编号</p> <p>《68/2014》企业法</p>

	<p>1. Hợp đồng, giao dịch của Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:</p> <p>本公司与下列对象签订合同或进行交易要经股东大会批准</p> <p>- Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>持有公司普通股 35%的股东或其授权代表和与他们关联人</p> <p>- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;</p> <p>董事会成员; 总经理</p> <p>- Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 118 của Luật Doanh nghiệp và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.</p> <p>企业法的第 118 条第 1 款 A 点和 B 点规定企业, 以及与董事会成员和总经理的相关成员,</p>	<p>1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:</p> <p>本公司与下列对象签订合同或进行交易要经股东大会批准</p> <p>- Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>持有公司普通股 10%以上的股东或其授权代表和与他们关联人;</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;</p> <p>董事会成员, 总经理及他们的关联人</p> <p>- Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>企业法的第 159 条第 2 款规定企业以及与董事会成员和总经理的相关成员。</p>	<p>第 162 条 第 1 款</p>
<p>37</p>	<p><b>Điều 46. Thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p><b>第 46 条 : 监事会成员</b></p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty có ba (03) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. <u>Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của công ty làm Trưởng ban.</u></p> <p>公司监事会成员人数有三个 (03) 成员。监事会必须至少有一个掌握金融和会计专业知识的成员。监事会成员</p>	<p><b>Điều 46. Thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p><b>第 46 条 : 监事会成员</b></p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty có ba (03) thành viên. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty. Thành viên ban kiểm soát không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm</p>	<p>Điều 163 Luật DN 68/2014 编号 《68/2016 》企业法 第 163 条</p>

	不是公司会计部门、财务的人员，并且不是进行财务报表审计的独立审计公司的审计师。监事会应当指定一名公司的股东充当监事长。	toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. 公司监事会的成员人数为三（03）名，监事会常驻越南的成员必须超过 50%。监事会根据多数原则选举其中一名为监事会负责人。监事会负责人必须是会计师或专业审计师，并且必须在公司全职工作。监事会成员不是公司会计部门、财务部门的人员，并且不是进行财务报表审计的独立审计公司的审计师。	
38	<p><b>Khoản 4(d) điều 46:</b> <b>第 46 条第 4 款 (d)</b></p> <p>"Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống"</p> <p>该成员在连续六个月不参加监事会的会议，<u>在这段时间内监事会不允许他缺席并提出判决使该成员职位空出。</u></p>	<p><b>Khoản 4(d) điều 46:</b> <b>第 46 条第 4 款 (d)</b></p> <p>"Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.</p> <p>该成员在连续六个月不参加监事会的会议，不可抗力的情况下除外。</p>	<p>Khoản 1(b) Điều 169 Luật DN 68/2014 编号 《68/2016 》企业法 第 164 条 第 1 款 (b)</p>
39	<p><b>Khoản 1 điều 47:</b> <b>第 47 条第 1 款</b></p> <p>"Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này ..."</p> <p>公司必须有一个监督会，监事会按法企业和本章程第 123 条规定应具有以下权力和责任。。。。。</p>	<p><b>Khoản 1 điều 47:</b> <b>第 47 条第 1 款</b></p> <p>" Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này..."</p> <p>公司必须有一个监事会，监事会按法企业和本章程第 165 条规定应具有以下权力和责任。。。。。</p>	<p>Điều 165 Luật DN68/2014 编号 《68/2016 》企业法 第 165 条</p>
40	<p><b>Điều 54.</b> <b>第 54 条</b> <b>Tài khoản ngân hàng</b> 银行账户</p>	<p><b>Điều 54.</b> <b>第 54 条</b> <b>Tài khoản ngân hàng</b> 银行账户</p>	<p>Cty CK mở nhiều TK để phục vụ</p>

	<p>Công ty sẽ mở tài khoản tại <u>một</u> ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>公司将在<u>一家越南</u>银行或获准在越南经营的外国银行开户。</p>	<p>Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>公司将在数家越南银行或获准在越南经营的外国银行开户。</p>	<p>NĐT tốt hơn</p> <p>为了向客户提供更好的服务</p>
41	<p><b>Khoản 4 điều 58:</b></p> <p><b>第 58 条第 4 款</b></p> <p>Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được <u>công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp</u>. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website đó.</p> <p>经审计的年度财务报告摘要必须发送到所有股东，并<u>刊登在当地报纸和全国性商业报纸连续三次</u>。当公司有自己的网站，经审计的财务报告和公司半年度、季度报告将在本网站上公布。</p>	<p><b>Khoản 4 điều 58:</b></p> <p><b>第 58 条第 4 款</b></p> <p>Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và có thể được công bố trên nhật báo của địa phương hoặc một tờ báo trung ương, khi xét thấy cần thiết. Các báo cáo tài chính được kiểm toán phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>经审计的年度财务报告摘要必须发送到所有股东，并可以刊登在当地报纸和全国性商业报纸连续三次（若需要）。当公司有自己的网站，经审计的财务报告和公司半年度、季度报告将在本网站上公布。</p>	<p>Khoản 4 điều 5 và điều 11 của Thông tư <b>155/2015</b> 编号</p> <p>《155/2015》的<b>通函第 5 条第 4 款和第 11 条</b></p>
42	<p><b>Khoản 3 điều 65:</b></p> <p><b>第 65 条第 3 款</b></p> <p>"Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>清算资金应按照以下顺序进行结算:</p> <p>b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;...</p>	<p><b>Khoản 3 điều 65:</b></p> <p><b>第 65 条第 3 款</b></p> <p>"Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>清算资金应按照以下顺序进行结算:</p>	<p>Khoản 5(a) Điều 202 Luật DN 68/2014 编号</p> <p>《68/2016》<b>企业法第 202 条</b></p>

	<p>工资及员工的保险费用;</p>	<p>b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết..."</p> <p>工资和员工的保险费用以及签订劳动合同和集体劳动协议规定的权利...</p>	<p>第 5 款 (a)</p>
--	--------------------	---	----------------------

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH**

代表主席团

**CHỦ TỌA**

大会主席



**ZHUANG ZI GUO**

庄自国